TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THOẠI SƠN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2018/DS-ST
Ngày: 28-8-2018
V/v: "*Tranh chấp dân sự về Hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Hân Em

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Quốc Hùng.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Đặng Huỳnh Hoa Lý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2017/TLST-DS ngày 16/10/2017 về việc "Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 308/2018/QĐXX-DS ngày 17/7/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 183/2018/QĐST-DS ngày 06/8/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Thanh N, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: ấp P xã A, huyện T, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: - Ông Phạm Hùng T, sinh năm 1978 (vắng mặt).

- Bà Đặng Mỹ D, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp P, thị trấn P, huyện T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 18/12/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Thanh N trình bày: ngày 22/8/2017 vợ chồng ông Phạm Hùng T và bà Đặng Mỹ D do có nhu cầu vay tiền để trả nợ Ngân hàng nên

ông T, bà D có mượn của ông N 120.000.000 đồng, không tính lãi và hứa sau khi đáo nợ Ngân hàng thì ông T, bà D sẽ trả tiền cho ông N. Do tin tưởng ông T nên ông N đã chuyển tiền vào tài khoản của ông T. Mặc dù ông N đã nhiều lần yêu cầu ông T, bà D thực hiện việc trả nợ nhưng ông T, bà D hứa hẹn mà không thực hiện. Nay ông N yêu cầu ông Phạm Hùng T và bà Đặng Mỹ D có nghĩa vụ liên đới trả cho ông N số tiền 120.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại tờ tự khai ngày 15/11/2017, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Đặng Mỹ D trình bày: bà D với ông Phạm Hùng T chung sống với nhau từ năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh An Giang. Đến năm 2014, bà D và ông T không còn sống chung cho đến nay. Sau đó, bà D gửi đơn đến Tòa án yêu cầu giải quyết ly hôn với ông T. Tại bản án sơ thẩm số 103/2017/HNGĐ-ST ngày 21/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Đặng Mỹ D. Nay ông N yêu cầu bà D và ông T liên đới trả cho ông N số tiền 120.000.000 đồng thì bà D không đồng ý. Vì việc vay mượn tiền giữa ông T với ông N thì bà D không biết và bà D không ký tên trong hợp đồng vay; mặt khác, tại thời điểm đó bà với ông T không còn sống chung.

Bị đơn ông Phạm Hùng T vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của các đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết; tiến hành thu thập chứng cứ, tổ chức hòa giải, đối chất, thực hiện tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định pháp luật. Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Tuy nhiên, ông Phạm Hùng T và bà Đặng Mỹ D vắng mặt tại phiên tòa, không lý do nên bị coi là từ bỏ quyền của bị đơn. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh N yêu cầu ông Phạm Hùng T và bà Đặng Mỹ D liên đới trả cho ông Trần Thanh N số tiền 120.000.000 đồng. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh N, buộc ông Phạm Hùng T có nghĩa vụ trả cho ông Trần Thanh N số tiền gốc 120.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố

tụng dân sự. Bị đơn ông Phạm Hùng T, bà Đặng Mỹ D có đăng ký thường trú tại ấp P, thị trấn P, huyện T, tỉnh An Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ ông Phạm Hùng T và bà Đặng Mỹ D để tham gia phiên tòa. Tuy nhiên ông T, bà D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà D.

[3] Về nội dung: ông Trần Thanh N khởi kiện ông Phạm Hùng T và bà Đặng Mỹ D yêu cầu liên đới trả số tiền 120.00.000 đồng. Chứng cứ mà ông N đưa ra là bản gốc Hợp đồng cho vay tiền đề ngày 22/8/2017 do ông Phạm Hùng T ký nhận và Giấy nộp tiền mặt đề ngày 22/8/2017 nộp vào tài khoản của ông Phạm Hùng T. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông T để tham gia phiên hòa giải và đối chất nhưng ông T đều vắng mặt và cũng không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy, ông T vay của ông N số tiền 120.000.000 đồng được thể hiện bằng Hợp đồng cho vay tiền đề ngày 22/8/2017 do ông T trực tiếp ký nhận. Mặc dù tại thời điểm vay tiền thì ông T và bà D còn là vợ chồng nhưng trong hợp đồng vay chỉ có ông N và ông T tự giao dịch với nhau. Giao dịch dân sự này không có sự thỏa thuận xác lập của bà D và tại thời điểm vay thì bà D đã sống ly thân với ông T. Bà D không tự nguyện cùng chịu trách nhiệm liên đới với ông T trả nợ. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 22/5/2018, ông N cho rằng, ông T vay tiền để đáo nợ Ngân hàng và khi ông T vay tiền Ngân hàng thì có đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất tại Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh T nên Hội đồng xét xử quyết định tạm ngừng phiên tòa để thu thập tài liệu, chứng cứ. Kết quả thu thập tài liệu, chứng cứ tại Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh T cũng không có cơ sở xác định ông T vay tiền để đáo nợ Ngân hàng. Hợp đồng vay tiền giữa ông N với ông T không thể hiện mục đích cho vay. Ông N không chứng minh được ông T vay tiền là nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của gia đình ông T, bà D. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiên của ông N về việc yêu cầu ông T và bà D có nghĩa vụ liên đới trả cho ông N số tiền 120.000.000 đồng. Do ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên buộc ông T trả cho ông N số tiền 120.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Về lãi suất, ông N chỉ yêu cầu ông T, bà D trả số tiền vốn 120.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét về lãi suất.

[6] Do bị buộc trả nợ nên ông Phạm Hùng T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Ông N không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm b khoản 1 Điều 24, Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thanh N yêu cầu ông Phạm Hùng T và bà Đặng Mỹ D liên đới trả cho ông Trần Thanh N số tiền 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng).

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh N. Buộc ông Phạm Hùng T có nghĩa vụ trả cho ông Trần Thanh N số tiền 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng).

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Phạm Hùng T phải chịu 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Trần Thanh N không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000599 ngày 16/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh An Giang.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

Trần Văn Hân Em